

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG T, THÀNH PHỐ HÀ N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Kim Vân

Bà Nguyễn Thị Hà

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Long Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường T, thành phố Hà N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường T, thành phố Hà N tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường T, thành phố Hà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 283/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2024, về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐST-XX ngày 25/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HPT ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Giang Văn D, sinh năm 1962 (có mặt)
Trú tại: Xóm 2, Đội 3, xã Tự N, huyện Thường T, TP Hà N.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (có mặt)
Trú tại: Xóm 2, Đội 3, xã Tự N, huyện Thường T, TP Hà N.

NHẬN THẤY:

Trong đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Giang Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B kết hôn năm 1982, hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự N, huyện Thường T, Thành phố Hà N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và lối sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà B nhiều lúc có lời lẽ bóng gió xúc phạm ông. Vợ chồng ly thân từ đó, ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Hai bên gia đình và các con đều biết

nhưng không hàn gắn được. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xét xử cho ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà B có hai con chung là chị Giang Thị T, sinh năm 1985 và anh Giang Văn H, sinh năm 1987. Các con ông bà đều trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn như ông Giang Văn D khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và lối sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông D thường xuyên cáu gắt, chửi bới bà. Vợ chồng ly thân từ đó, ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Hai bên gia đình và các con đều biết nhưng không hàn gắn được. Nay ông D xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên bà chấp nhận ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là chị Giang Thị T, sinh năm 1985 và anh Giang Văn H, sinh năm 1987. Các con ông bà đều trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường T phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của B luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của B luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 B luật tố tụng dân sự. Bị đơn có thời điểm không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc N dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông D được ly hôn với bà B; Về con chung: Ông bà có hai con chung là chị Giang Thị T, sinh năm 1985 và anh Giang Văn H, sinh năm 1987. Các con ông bà đều trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xét; Về tài sản chung và công nợ chung: không đề nghị xem xét, giải quyết nên không xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Giang Văn D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Nguyễn Thị B nên đây là quan hệ tranh chấp ly hôn. Bà Nguyễn Thị B đăng ký nhân khẩu thường trú, sinh sống tại Xóm 2, Đội 3, xã Tự N, huyện Thường T, TP Hà N nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thường T, Thành phố Hà N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của B luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về N dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Giang Văn D và bà Nguyễn Thị B là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tự N, huyện Thường T, TP Hà N. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với Th cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng tự ly thân nhau, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà B đã đến mức trầm trọng, bản thân cả ông D và bà B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau thời gian dài, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông D xin ly hôn bà B là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ông D ly hôn bà B.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là chị Giang Thị T, sinh năm 1985 và anh Giang Văn H, sinh năm 1987. Các con ông bà đều trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xét

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung, không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn ông D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 B luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 B luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, B luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Giang Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị B.
2. Về con chung: Ông bà có hai con chung là chị Giang Thị Thủy, sinh năm 1985 và anh Giang Văn Hiệp, sinh năm 1987. Các con ông bà đều trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xét.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.
4. Về án phí: Ông Giang Văn D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0016467 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường T. Ông D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà N;
- VKSND huyện Thường T;
- VKSND TP Hà N;
- Chi cục THADS huyện Thường T;
- UBND xã Tụ N; huyện Thường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trí Tuyền